TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B V** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**C H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc L - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2025/QĐST-DS	*B V, ngày 02 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hộ quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ L số: 118/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp thừa kế*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 24/02/2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày L biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tr – sinh năm 1958

Địa chỉ : Thôn C H, xã Th H, huyện B V , Tp Hà Nội

Bị đơn: Bà Phùng Thị L – sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn C L, xã Ph S , huyện B V, Tp Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Chu Thị H – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn C H, xã Th H, huyện B V, Tp Hà Nội

+ Chị Chu Thị L – sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn C H, xã Th H, huyện B V, Tp Hà Nội

+ Chị Chu Thị H – sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Ph Kh, xã Đ L, Thị xã S T, Tp Hà Nội

+ Chị Chu Thị– sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn C H xã Th H, huyện B V, Tp Hà Nội

+ Chị Chu Thị D – sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn C H, xã Th Hòa, huyện B V, Tp Hà Nội

+ Cháu Chu Gia Bảo – sinh năm 2013 – Người đại diện theo Pháp luật : Bà Phùng Thị L – sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Cao Lĩnh, xã Ph S , huyện B V, Tp Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Xác định di sản thừa kế của ông Chu Huy K - sinh năm 1952 (chết năm 2023) là : 1/2 giá trị của 02 **Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AC 00031847775** ngày phát hành 11/03/2022 và **Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AC 00031060750** ngày phát hành 22/12/2021 đều mang tên ông Chu Huy K – CMND: 001052012950 ngày cấp 29/4/2021 – Địa chỉ: Thôn C H, xã Th H, huyện B V, Tp Hà Nội. Tính đến thời điểm 17/02/2025 , **Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AC 00031847775** ngày phát hành 11/03/2022 tiền gửi là 342.000.000đ và tiền lãi là 44.859.000đ; **Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AC 00031060750** ngày phát hành 22/12/2021 tiền gửi là 50.000.000đ và tiền lãi là 9.493.000đ. Tổng số tiền của 02 quyển sổ tiết kiệm là : 446.352.000 . Xác định di sản thừa kế của ông Chu Huy K là số tiền 223.176.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

+ Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Chu Huy K gồm: Bà Nguyễn Thị Tr - sinh năm 1958 , chị Chu Thị H – sinh năm 1978 , chị Chu Thị L – sinh năm 1980 , chị Chu Thị H – sinh năm 1982 , chị Chu Thị L – sinh năm 1984 , chị Chu

Thị D – sinh năm 1991 và cháu Chu Gia B – sinh năm 2013 (Đại diện theo Pháp luật: Bà Phùng Thị L – sinh năm 1974 (mẹ đẻ).

+ Xác định thời điểm mở thừa kế: Ông Chu Huy K chết 01/10/2023, thời điểm mở thừa kế 01/10/2023.

+ Chia giá trị kỷ phần thừa kế các hàng thừa kế thứ nhất của ông Chu Huy K được hưởng tính đến ngày 17/02/2025 thì mỗi hàng thừa kế được nhận trị giá là 31.882.000đ (Ba mươi mốt triệu, tám trăm, tám mươi hai nghìn đồng).

+ Bà T cùng các hàng thừa kế gồm chị L, chị Hương, chị Hiền, chị L, chị D thống nhất tự nguyện thanh toán ngay và xong cho cháu Chu Gia Bảo do bà Phùng Thị L là đại diện theo Pháp luật nhận số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) bao gồm giá trị kỷ phần thừa kế cháu Bảo được từ kỷ phần thừa kế của ông K theo quy định của Pháp luật và hỗ trợ thêm một phần tiền từ phía gia đình nguyên đơn.

+ Bà Nguyễn Thị Tr có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho các hàng thừa kế gồm chị Chu Thị H – sinh năm 1978 , chị Chu Thị L – sinh năm 1980 , chị Chu Thị H – sinh năm 1982 , chị Chu Thị L – sinh năm 1984 , chị Chu Thị D – sinh năm 1991 mỗi người 31.882.000đ (Ba mươi mốt triệu, tám trăm, tám mươi hai nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Tr được quyền được đến Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam chi nhánh B V Hà Tây 1 để rút toàn bộ hai sổ tiết kiệm gồm: **Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AC 00031847775** ngày phát hành 11/03/2022 và **Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AC 00031060750** ngày phát hành 22/12/2021 đều mang tên ông Chu Huy K – CMND: 001052012950 ngày cấp 29/4/2021 – Địa chỉ: Thôn C H, xã Th H, huyện B V, Tp Hà Nội.

+ Về án phí:

- Áp dụng Điều 4 Luật Người cao tuổi, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Tr và cháu Chu Gia B

- Chị Chu Thị H, chị Chu Thị L, chị Chu Thị H, chị Chu Thị L, chị Chu Thị D mỗi người phải chịu 797.000đ (Bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện K sát nhân dân h. B V;
- Chi cục THADS h. B V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Phương Lan

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ L vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).